

A – TÓM TẮT LÝ THUYẾT, KIẾN THỨC CƠ BẢN

Bài 10: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

- Công dân bình đẳng về quyền và pháp luật
- Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí
- Ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội

Bài 11: Bình đẳng giới trong đời sống xã hội

- Ý nghĩa của bình đẳng giới
- Pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế - lao động, giáo dục – y tế - văn hóa – khoa học công nghệ, gia đình
- Thực hiện quy định của pháp luật về bình đẳng giới

Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo

- Quyền bình đẳng giữa các dân tộc
- Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

- Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội
- Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước, xã hội

Bài 14: Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử

- Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử
- Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử

Bài 15: Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo

- Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại
- Quyền và nghĩa vụ công dân về tố cáo
- Hậu quả của hành vi vi phạm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân

Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

- Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc
- Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm

- Quyền bất khả xâm phạm về thân thể
- Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm

- Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật vào hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân
- Trách nhiệm của học sinh trong thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân

Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở

- Pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở
- Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân
- Trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

Bài 19: Quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

- Pháp luật về quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín
- Hậu quả của hành vi vi phạm quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân
- Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

Bài 20: Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

- Pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin
- Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin
- Trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

Bài 21: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo

- Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo
- Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo
- Trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo

B – LUYỆN TẬP

Phần I - Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

BÀI 10: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

Câu 1: Công dân bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật khi thực hiện hành vi nào dưới đây ? .

- | | |
|-------------------------------------|--|
| A. Đăng kiểm xe ô tô đúng thời hạn. | B. Nộp hồ sơ xin cấp phép kinh doanh. |
| C. Thành lập quỹ bảo trợ xã hội. | D. Chủ động mở rộng quy mô ngành nghề. |

Câu 2: Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội?

- | | |
|--------------------------------|--------------------------------|
| A. Lựa chọn loại hình bảo hiểm | B. Từ bỏ quyền thừa kế tài sản |
| C. Hỗ trợ người già neo đơn | D. Tham gia bảo vệ Tổ quốc |

Câu 3: Bất kỳ công dân nào nếu có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều bình đẳng về cơ hội học tập là thể hiện công dân bình đẳng về

- | | | | |
|-------------|-----------|-----------------|--------------|
| A. tập tục. | B. quyền. | C. trách nhiệm. | D. nghĩa vụ. |
|-------------|-----------|-----------------|--------------|

Câu 4: Quyền và nghĩa vụ công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu nghèo, thành phần và địa vị xã hội là nội dung quyền bình đẳng về

A. trách nhiệm pháp lí.

B. nghĩa vụ pháp lý.

C. quyền và nghĩa vụ.

D. nghĩa vụ và trách nhiệm.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào sau đây thể hiện công dân bình đẳng của trong việc hưởng quyền ?

A. thay đổi cơ chế quản lí.

B. dùng tiếng nói, chữ viết riêng.

C. thực hiện nghĩa vụ quân sự.

D. cảnh sát giao thông xử phạt người vi phạm.

Câu 6: Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí mọi công dân đều không bị

A. thay đổi quốc tịch.

B. truy cứu trách nhiệm.

C. phân biệt đối xử .

D. áp dụng hình phạt.

Câu 7: Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước nhà nước và xã hội?

A. Tự chuyển quyền nhân thân.

B. Tôn trọng nhân phẩm của nhau.

C. Thống nhất địa điểm cư trú.

D. Công khai gia phả dòng họ.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, bình đẳng về trách nhiệm pháp lí có nghĩa là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều

A. được giảm nhẹ hình phạt.

B. được đền bù thiệt hại.

C. bị xử lí nghiêm minh.

D. bị tước quyền con người.

Câu 9: Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và pháp luật?

A. Tự chuyển quyền nhân thân.

B. Công khai gia phả dòng họ.

C. Chia sẻ bí quyết gia truyền.

D. Nộp thuế theo luật định.

Câu 10: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Anh V là người tỉnh A đã theo học nghề làm gốm sứ tại làng nghề gốm truyền thống thuộc tỉnh B. Dựa vào kiến thức, kinh nghiệm và biết áp dụng công nghệ vào sản xuất, quảng bá sản phẩm, nắm bắt nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, anh V đã mở xưởng sản xuất riêng tại tỉnh B, thu hút nhiều lao động của tỉnh B vào làm việc, giúp người dân nơi đây thoát nghèo. Trong quá trình sản xuất, anh V luôn thực hiện tốt các quy định của pháp luật về nộp thuế và bảo vệ môi trường. Nhờ đó công việc kinh doanh của anh V ngày càng phát triển và mang lại thu nhập ổn định. Sự lớn mạnh không ngừng từ xưởng sản xuất gốm do anh V làm chủ đã khiến cho một số xưởng sản xuất khác trên địa bàn gặp khó khăn, một số chủ do không có khả năng cạnh tranh đã phải chuyển đổi nghề nghiệp. Tuy nhiên trong một lần cơ quan chức năng kiểm tra đột xuất đã phát hiện anh V vi phạm quy định về sử dụng lao động nên đã tiến hành xử phạt và yêu cầu anh khắc phục để tiếp tục hoạt động.

a) Anh V được thực hiện quyền bình đẳng của công dân trên lĩnh vực kinh tế.

b) Chấp hành tốt việc nộp thuế và bảo vệ môi trường là bình đẳng về nghĩa vụ .

c) Một số xưởng sản xuất phải chuyển đổi kinh doanh là do anh V cạnh tranh không lành mạnh.

d) Anh B bị xử phạt vì vi phạm sử dụng lao động là bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

Bài 11: Bình đẳng giới trong đời sống xã hội

Câu 1: Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn đầu tư, thị trường đó là quy định pháp luật về bình đẳng giới trên lĩnh vực nào?

- A. Chính trị. B. Giáo dục. C. Kinh tế. D. Văn hóa.

Câu 2: Việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó là nội dung của khái niệm

- A. phúc lợi xã hội. B. an sinh xã hội. C. bảo hiểm xã hội. D. bình đẳng giới.

Câu 3: Theo quy định của Luật bình đẳng giới, hành vi cản trở, xúi giục người khác không tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe vì định kiến giới là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Văn hoá. B. Y tế. C. Giáo dục và đào tạo D. Hôn nhân và gia đình.

Câu 4: Một trong những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là nam, nữ bình đẳng trong việc

- A. tham gia các hoạt động xã hội. B. tiếp cận nguồn vốn đầu tư.
C. lựa chọn ngành nghề học tập. D. tiếp cận các cơ hội việc làm.

Câu 5: Để đảm bảo bình đẳng giới trên lĩnh vực chính trị, nội dung nào dưới đây phù hợp với quy định của pháp luật về tỉ lệ nữ tham gia làm đại biểu Hội đồng nhân dân

- A. Tỉ lệ nữ phải bằng với tỉ lệ nam. B. Cần đảm bảo tỉ lệ thích đáng nữ đại biểu.
C. Nữ chỉ cần có một người đại diện. D. Tỉ lệ nữ nhất định phải nhiều hơn nam.

Câu 6: Bình đẳng giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thể hiện ở việc vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. che giấu hành vi bạo lực. B. chiếm hữu tài sản công cộng.
C. tôn trọng danh dự của nhau. D. áp đặt quan điểm cá nhân.

Câu 7: Việc đảm bảo một tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. văn hóa. B. gia đình. C. chính trị. D. kinh tế.

Câu 8: Một trong những quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế là cả nam và nữ đều bình đẳng trong việc thực hiện quyền

- A. kinh doanh. B. tài sản. C. nhân thân. D. bầu cử.

Câu 9: Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị thể hiện ở việc, cả nam và nữ đều bình đẳng trong việc tham gia

- A. phát triển kinh tế gia đình. B. chăm sóc nuôi dưỡng con cái.
C. hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội. D. tự ứng cử vào cơ quan nhà nước.

Câu 10: Theo quy định của Luật bình đẳng giới, đối với phụ nữ nghèo ở vùng sâu, vùng xa khi sinh con đúng chính sách dân số sẽ được hỗ trợ

- A. chăm sóc trọn đời. B. hỗ trợ kinh phí.

C. miệt thị và phân biệt.

D. miễn mọi loại phí.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 11, 12, 13

Điều 35 Hiến pháp năm 2013: “Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc”. Nền tảng của việc lựa chọn ngành, nghề, việc làm là được đào tạo, bồi dưỡng các kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt là đối với các ngành, nghề đặc thù có quy định điều kiện về chứng chỉ hành nghề. Các cơ sở dạy nghề, cơ sở giáo dục thực hiện việc tuyển sinh trên cơ sở các điều kiện về năng lực của thí sinh thể hiện qua điểm thi, không phân biệt giới tính của thí sinh ứng tuyển. Qua đó, nam, nữ đều có cơ hội ngang nhau trong việc lựa chọn học tập những ngành nghề, lĩnh vực phù hợp với sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể tự do làm việc, lựa chọn việc làm, nơi làm việc là thể hiện công dân bình đẳng về

- A. quyền. B. nghĩa vụ. C. trách nhiệm. D. an sinh xã hội.

Câu 12: Theo quy định của pháp luật, nam nữ bình đẳng trong việc lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc là thể hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Chính trị. B. Gia đình. C. Lao động. D. Kinh doanh.

Câu 13: Vai trò của chủ thể kinh tế nhà nước được thể hiện như thế nào trong việc giảm khoảng cách về giới trong lĩnh vực lao động trong thông tin trên?

- A. Quy định về điều kiện được học nghề. B. Thành lập doanh nghiệp cho nữ tham gia.
C. Trợ cấp cho nữ giới để giảm bất bình đẳng. D. Hạn chế sự tham gia của nam giới.

Câu 14: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Điều 35 Hiến pháp năm 2013: “Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc”. Nền tảng của việc lựa chọn ngành, nghề, việc làm là được đào tạo, bồi dưỡng các kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt là đối với các ngành, nghề đặc thù có quy định điều kiện về chứng chỉ hành nghề. Các cơ sở dạy nghề, cơ sở giáo dục thực hiện việc tuyển sinh trên cơ sở các điều kiện về năng lực của thí sinh thể hiện qua điểm thi, không phân biệt giới tính của thí sinh ứng tuyển. Qua đó, nam, nữ đều có cơ hội ngang nhau trong việc lựa chọn học tập những ngành nghề, lĩnh vực phù hợp với sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân.

- a) Thông tin trên thể hiện nguyên tắc nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.
b) Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc là bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.
c) Mọi cơ sở giáo dục đều phải tiếp nhận thí sinh vào học nghề và giải quyết việc làm cho các thí sinh sau ra trường.
d) Công dân được làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm là thể hiện nội dung công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng trong trên lĩnh vực chính trị thể hiện ở việc các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều được

- A. đóng góp ý kiến sửa đổi Hiến pháp.
- B. phát triển kinh tế du lịch cộng đồng.
- C. bảo tồn trang phục dân tộc .
- D. tổ chức lễ hội truyền thống.

Câu 2: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển là thể hiện quyền bình đẳng giữa các

- A. tín ngưỡng.
- B. dân tộc.
- C. tổ chức.
- D. tôn giáo.

Câu 3: Những chính sách phát triển kinh tế- xã hội mà Nhà nước ban hành cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng sâu vùng xa là góp phần thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. kinh tế.
- B. văn hóa, giáo dục.
- C. chính trị.
- D. xã hội.

Câu 4: Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

- A. tôn giáo.
- B. văn hóa.
- C. giáo dục.
- D. tín ngưỡng.

Câu 5: Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác, giao lưu giữa các dân tộc ở nước ta là các dân tộc phải được đảm bảo quyền

- A. bình đẳng.
- B. phân biệt.
- C. đặc lợi.
- D. ưu tiên.

Câu 6: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

- A. Đoàn kết các dân tộc.
- B. Đoàn kết toàn dân.
- C. Tạo cơ hội phát triển.
- D. Chia mọi lợi ích dân tộc.

Câu 7: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc xuất phát từ quyền bình đẳng của công dân

- A. trong lao động.
- B. trước nhà nước.
- C. trong gia đình.
- D. trước pháp luật.

Câu 8: Bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực giáo dục **không** thể hiện ở việc các dân tộc đều được

- A. tham gia học bán trú.
- B. nhận hỗ trợ học tập
- C. đăng ký học cử tuyển .
- D. dự ngày hội đoàn kết.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên trong lĩnh vực giáo dục thể hiện ở chỗ, các dân tộc khác nhau đều bình đẳng về

- A. phát triển văn hóa.
- B. đời sống xã hội.
- C. phát triển chính trị.
- D. cơ hội học tập.

Câu 10: Ông A không đồng ý cho M kết hôn với K vì do hai người không cùng tôn giáo. Ông A đã không thực hiện quyền bình đẳng giữa

- A. tín ngưỡng.
- B. các dân tộc.
- C. các tôn giáo.
- D. các vùng, miền.

Câu 11: Việc truyền bá, thực hành giáo lí, giáo luật, lễ nghi, quản lí tổ chức của tôn giáo là

- A. hoạt động tôn giáo.
- B. tôn giáo.
- C. cơ sở tôn giáo.
- D. tín ngưỡng.

Câu 12: Hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm khi tham gia các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo?

- A. ủng hộ các hoạt động tôn giáo.
- B. Kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.
- C. Tuyên truyền văn hóa đạo Phật.
- D. Cải tạo công trình tôn giáo hợp pháp

Câu 13: Việc làm nào dưới đây vi phạm quyền bình đẳng về nghĩa vụ giữa các tôn giáo khi tổ chức hoạt động tôn giáo?

A. Các tín đồ tham gia cứu trợ.

B. Xuyên tạc nội dung tôn giáo.

C. Tôn giáo tham gia từ thiện.

D. Tôn vinh người có đạo.

Câu 14: Các cơ sở tôn giáo được pháp luật thừa nhận dù lớn hay nhỏ được nhà nước đối xử

A. không bình đẳng. B. bình đẳng như nhau. C. có sự phân biệt. D. tùy theo từng tôn giáo.

Câu 15: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Công tác giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí ở vùng có đông người dân tộc thiểu số sinh sống cũng được quan tâm đẩy mạnh và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, trường dạy nghề; các loại hình trường nội trú, bán trú, dự bị đại học dân tộc tại vùng có đông dân tộc thiểu số đều đều được đầu tư xây dựng. Từ năm 2012, 100% xã đã đạt chuẩn phổ cập tiểu học, nhiều xã đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, 95% trẻ em dân tộc thiểu số được đến trường.

a) Giáo dục đồng bào các dân tộc thiểu số là một bộ phận quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Quyền học tập của đồng bào các dân tộc thiểu số xuất phát từ quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.

c) Hệ thống các trường trường nội trú, bán trú, dự bị đại học dân tộc hiện nay không còn thực sự cần thiết để thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực giáo dục.

d) Việc cộng điểm cho học sinh người dân tộc thiểu số vô tình làm mất công bằng xã hội trong giáo dục.

Câu 16: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Đến năm 2018, Việt Nam đã công nhận và cấp đăng ký hoạt động cho 43 tổ chức, thuộc 16 tôn giáo với trên 26 triệu tín đồ, 55 870 chức sắc, 145 561 chức việc, 29 396 cơ sở thờ tự. Các tổ chức tôn giáo và đại bộ phận chức sắc, chức việc, nhà tu hành hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, với tác động của tình hình quốc tế, mặt trái của toàn cầu hóa và cơ chế thị trường, âm mưu “chính trị hoá tôn giáo” của các thế lực thù địch đã làm cho đời sống tôn giáo bị tác động và không ngừng biến đổi, tiềm ẩn nhiều “nguy cơ”.

a) Các tôn giáo ở Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của toàn thể dân tộc Việt Nam.

b) Mọi tổ chức tôn giáo được pháp luật công nhận đều được hoạt động theo tôn chỉ của mình.

c) Các tôn giáo góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

d) Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tôn giáo sẽ ngăn chặn các âm mưu lợi dụng tôn giáo để phá hoại đất nước.

Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội

Câu 1: Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội dẫn đến hậu quả nào dưới đây ?

- A. Vi phạm quyền bảo mật cá nhân.
- B. Vi phạm quyền tự do dân chủ.
- C. Vi phạm trên không gian mạng.
- D. Vi phạm chính sách đối ngoại.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý nào dưới đây?

- A. Dĩ hòa vi quý.
- B. Xử phạt hành chính.
- C. Nhắc nhở, phê bình.
- D. Bỏ qua vi phạm.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, hoạt động nào dưới đây **không** gắn với việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân?

- A. Kiến nghị về chính sách tái định cư.
- B. Giám sát hoạt động bộ máy nhà nước.
- C. Theo dõi biến động dân số địa phương.
- D. Đóng góp ý kiến vào dự thảo luật.

Câu 4: Việc làm nào dưới đây thể hiện công dân thực hiện tốt nghĩa vụ tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

- A. Chủ động tiếp cận thông tin.
- B. Tôn trọng quyền lợi của người khác.
- C. Giám sát việc thực hiện bầu cử.
- D. Khiếu nại tới cơ quan chức năng.

Câu 5: Công dân thực hiện tốt nghĩa vụ tham gia quản lý nhà nước và xã hội khi tích cực tham gia giữ gìn

- A. hình ảnh bản thân mình.
- B. bí quyết kinh doanh.
- C. an ninh trật tự nơi sinh sống.
- D. thông tin đời sống cá nhân.

Câu 6: Một trong những nghĩa vụ của công dân khi tham gia quản lý nhà nước và xã hội là phải tôn trọng

- A. lợi ích hợp pháp của người khác.
- B. lợi ích của bản thân mình.
- C. lợi ích truyền thống.
- D. người cung cấp thông tin.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội có thể phải chịu trách nhiệm pháp lý nào dưới đây?

- A. Dĩ hòa vi quý.
- B. Đề bạt thăng tiến.
- C. Xử lý hình sự.
- D. Xử lý nội bộ.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội?

- A. Hỗ trợ người khiếu nại.
- B. Cản trở người khiếu nại.
- C. Giải quyết đơn khiếu nại.
- D. Thông báo kết quả khiếu nại.

Câu 9: Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội dẫn đến hậu quả nào dưới đây ?

- A. Thúc đẩy dân chủ trực tiếp.
- B. Phát huy quyền làm chủ.
- C. Xâm phạm trật tự quản lý.
- D. Xâm phạm bí mật đời tư.

Câu 10: Công dân thực hiện tốt nghĩa vụ tham gia quản lý nhà nước và xã hội khi chủ động thực hiện tốt các quy tắc

- A. phù hợp lợi ích cá nhân.
- B. gia đình đặt ra.
- C. sinh hoạt công cộng.
- D. do bản thân đặt ra.

Câu 11: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Ông B Chủ tịch xã chỉ đạo chị M là văn thư không gửi giấy mời cho anh H là trưởng thôn tham dự cuộc họp triển khai kế hoạch xây dựng đường liên xã đi qua thôn của anh H. Biết chuyện nên chị K đã thẳng thắn phê bình ông B trong cuộc họp và bị ông T chủ tọa ngắt lời, không cho trình bày hết ý kiến của mình. Bực tức, chị K đã bỏ họp ra về. Sau đó biết được chị M con gái ông T đang làm việc tại công ty do anh Q chồng mình làm giám đốc. Dưới sức ép của vợ, anh Q đã loại chị M ra khỏi danh sách được bổ nhiệm trưởng phòng với lý do chị là nữ không phù hợp

- a) Ông B và chị M cùng vi phạm quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- b) Anh H bị vi phạm quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- c) Chị K được thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- d) Anh Q và chị K đa vi phạm quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

BÀI 14: Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử

Câu 1: Tại thời điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, công dân vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

- A. nghiên cứu lí lịch ứng cử viên.
- B. kiểm tra niêm phong hòm phiếu.
- C. bỏ phiếu thay cử tri vắng mặt.
- D. giám sát hoạt động bầu cử.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

- A. công khai nội dung phiếu bầu.
- B. bí mật viết phiếu và bỏ phiếu.
- C. tìm hiểu thông tin ứng cử viên.
- D. theo dõi kết quả bầu cử.

Câu 3: Trường hợp nào dưới đây **không** được thực hiện quyền bầu cử?

- A. Người đang đi công tác ở biên giới, hải đảo.
- B. Người đang điều trị ở bệnh viện.
- C. Người đang bị nghi ngờ vi phạm pháp luật.
- D. Người đang thi hành án phạt tù.

Câu 4: Trong quá trình bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, cử tri nhờ người khác bỏ phiếu bầu của mình vào hòm phiếu là vi phạm nội dung nào dưới đây của quyền và nghĩa vụ bầu cử?

- A. Quyền.
- B. Nghĩa vụ.
- C. Tố cáo.
- D. Khiếu nại.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, khi tham gia bầu cử, ứng cử, công dân có nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Sao chép nội dung phiếu bầu của người khác.
- B. Trao đổi với người khác về nội dung phiếu bầu của mình.
- C. Tôn trọng quyền của người khác về bầu cử và ứng cử.
- D. Chỉ tham gia bầu cử khi được hưởng lợi ích vật chất.

Câu 6: Theo quy định của luật bầu cử, cử tri đủ điều kiện tham gia bầu cử được quyền ghi tên vào mấy danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú?

- A. 2.
- B. 1.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử khi đang

A. hưởng trợ cấp thất nghiệp.

B. điều trị sau phẫu thuật.

C. chuẩn bị được đặc xá.

D. Bị tình nghi là tội phạm.

Câu 8: Hiến pháp quy định công dân Việt Nam đủ bao nhiêu tuổi trở lên có quyền ứng cử?

A. 16.

B. 18.

C. 17.

D. 21.

Câu 9: Trong quá trình bầu cử, nhân viên tổ bầu cử gợi ý bỏ phiếu cho ứng cử viên là vi phạm nội dung nào dưới đây trong thực hiện quyền bầu cử?

A. Nghĩa vụ bầu cử.

B. Trách nhiệm bầu cử.

C. Thông tin bầu cử.

D. Quyền bầu cử.

Câu 10: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Ngày 11-5- 2021, các ứng cử viên đại biểu Quốc hội khoá XV, đơn vị bầu cử số 4, thành phố Hà Nội đã tham dự Hội nghị tiếp xúc với cử tri các quận Hoàng Mai, huyện Gia Lâm. Tại Hội nghị, các ứng cử viên đã lần lượt trình bày chương trình hành động của mình và tiến hành vận động bầu cử theo luật định. Các ứng cử viên bày tỏ vinh dự khi được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khoa XV, khẳng định nếu được bầu sẽ thường xuyên liên hệ, gần bó, lắng nghe ý kiến, kiến nghị, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cử tri, nỗ lực cao nhất làm tròn trách nhiệm của người đại biểu nhân dân, đóng góp hết sức mình vì sự phát triển của Thủ đô và lợi ích quốc gia, dân tộc

a) Tiếp xúc cử tri trước khi tiến hành bầu cử là hoạt động bắt buộc của các ứng viên tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội.

b) Hoạt động tiếp xúc cử tri của các ứng viên cũng là cơ sở để cử tri được thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

c) Cử tri có quyền bỏ phiếu bất tín nhiệm nếu như các đại biểu Quốc hội sau khi trúng cử không thực hiện đúng chương trình hành động.

d) Nhân dân là chủ thể giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của mỗi đại biểu Quốc hội từ khi ứng cử đến khi hết nhiệm kỳ.

Bài 15: quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền khiếu nại trong trường hợp nào sau đây?

A. Phát hiện tù nhân trốn trại.

B. Chứng kiến bắt cóc con tin.

C. Nhận quyết định kỉ luật chưa thỏa đáng.

D. Bị phần tử khủng bố đe dọa tính mạng.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người khiếu nại có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho người giải quyết khiếu nại và phải chịu trách nhiệm về

A. nội dung thông tin cung cấp.

B. quy trình giải quyết khiếu nại.

C. mọi quyết định đã ban hành.

D. chi phí tiếp nhận thông tin.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, trong quá trình thực hiện khiếu nại, mọi công dân đều có quyền

A. thuê côn đồ sử dụng bạo lực.

B. nhờ xã hội đen giải quyết trước.

C. nhờ luật sư tư vấn pháp lý.

D. sử dụng bạo lực để uy hiếp.

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, nếu có căn cứ khẳng định việc tố cáo là đúng, góp phần bảo vệ lợi ích của cá nhân, tổ chức, thì cơ quan có thẩm quyền có thể đề nghị biện pháp nào dưới đây đối với người tố cáo?

- A. Xử phạt hành chính.
- B. Đề xuất giám hộ.
- C. Thi hành kỷ luật.
- D. Đề xuất khen thưởng.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền tố cáo trong trường hợp nào sau đây?

- A. Bị buộc thôi việc không rõ lí do.
- B. xây dựng xã hội học tập.
- C. bị cắt giảm tiền lương trái quy định.
- D. Phát hiện kẻ gian đột nhập vào nhà.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật, trong thời gian khiếu nại, người khiếu nại có trách nhiệm nào dưới đây?

- A. Từ bỏ mọi quan hệ nhân thân.
- B. Không chấp hành quyết định mình khiếu nại
- C. Chấp hành quyết định mà mình khiếu nại.
- D. Tạm dừng mọi công việc cá nhân.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền khiếu nại trong trường hợp nào sau đây?

- A. kích động biểu tình trái phép.
- B. Phát hiện đường dây cá độ bóng đá.
- C. Phát hiện cơ sở sản xuất tiền giả.
- D. Đuổi việc không có lý do

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người tố cáo có quyền được

- A. đảm bảo bí mật về họ tên.
- B. sử dụng tên nặc danh.
- C. sử dụng tên của người khác.
- D. sử dụng nhiều tên khác nhau.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, khi có căn cứ cho rằng việc tố cáo là không cần thiết nữa, người tố cáo có quyền được

- A. xuyên tạc nội dung.
- B. tiếp tục tố cáo.
- C. can thiệp vũ lực.
- D. rút đơn tố cáo.

Câu 10: Công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào là biểu hiện quyền

- A. bầu cử.
- B. tố cáo.
- C. khiếu nại.
- D. ứng cử.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền khiếu nại trong trường hợp nào sau đây?

- A. Bị giao thêm việc ngoài thỏa thuận.
- B. Vận động tranh cử.
- C. Trực tiếp tranh cử.
- D. Tự ý bỏ phiếu thay người khác.

Câu 12: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Mẹ chị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 100m², nhưng diện tích đất thực tế không đúng 100m² như giấy chứng nhận. Mẹ chị N muốn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết, nhưng do mẹ chị hiện nay đã già yếu (75 tuổi) và hay ốm đau, chị N được mẹ uỷ quyền cho chị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để khiếu nại.

a) Mẹ chị N có quyền làm đơn tố cáo tới cơ quan chức năng về hành vi cấp đất sai quy định của người có thẩm quyền.

b) Quyền và lợi ích hợp pháp của mẹ chị N đã bị xâm phạm nên chị N cần tư vấn để mẹ chị làm đơn khiếu nại tới cơ quan chức năng giải quyết.

c) Mẹ chị N đã già yếu nên có thể ủy quyền cho chị N hoặc luật sư để thực hiện việc khiếu nại theo quy định của pháp luật.

d) Công dân thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật là thể hiện công dân bình đẳng về thực hiện nghĩa vụ.

Bài 16: Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc

Câu 1: Công dân **không** thể hiện trách nhiệm đối với việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Tham gia tuần tra ban đêm.

B. Tham gia cách li y tế tập trung.

C. Tham gia luyện tập quân sự.

D. Tổ chức hoạt động khủng bố.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, để bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, mọi công dân có nghĩa vụ

A. bảo vệ lợi ích cá nhân mình.

B. bảo vệ tư tưởng cực đoan.

C. bảo vệ mọi quan điểm trái chiều.

D. bảo vệ an ninh quốc gia.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, hành vi nào dưới đây vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc?

A. Tổ cáo hành vi gây rối trật tự xã hội.

B. Tuyên truyền Luật nghĩa vụ quân sự.

C. Bí mật tổ chức chống chính quyền.

D. Tổ cáo người trốn nghĩa vụ quân sự.

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền của mình về bảo vệ Tổ quốc, công dân **không** được thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Tìm hiểu về đường lối quân sự.

B. Tham gia dân quân tự vệ.

C. Từ chối đăng ký nghĩa vụ quân sự.

D. Từ chối lưu hành vũ khí trái phép.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền của mình về bảo vệ Tổ quốc, mọi công dân đều được

A. huy động vào quân đội.

B. tàng trữ vũ khí quân sự.

C. biên chế vào lực lượng an ninh.

D. giáo dục kiến thức quốc phòng.

Câu 6: Việc làm nào dưới đây **không** phản ánh nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ về bảo vệ tổ quốc?

A. Thực hiện nghĩa vụ quân sự.

B. Tham gia hiến máu nhân đạo.

C. Tham gia dân quân tự vệ.

D. Tham gia bảo vệ biên giới.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, mọi công dân có nghĩa vụ

A. tuân thủ Hiến pháp.

B. sử dụng bạo lực.

C. chiếm đoạt tài nguyên.

D. từ bỏ quốc tịch đang có.

Câu 8: Công dân **không** thể hiện trách nhiệm đối với việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Thực hiện chính sách tương trợ.

B. Tham gia bảo vệ Tổ quốc

C. Sản xuất vũ khí quân dụng.

D. Thành lập quỹ bảo trợ xã hội.

Câu 9: Hành vi nào sau đây **không** thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc?

A. Đăng ký nghĩa vụ quân sự.

B. Tham gia biểu tình tập thể.

C. Bảo vệ an ninh biên giới.

D. Đăng ký nghĩa vụ an ninh.

Câu 10: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Với mục đích không phải tham gia nghĩa vụ quân sự, nên ông M bố anh H đã nhờ và được cô T đồng ý sẽ làm sai lệch kết quả khám để H không đủ điều kiện. Sau khi nhận 30 triệu đồng của ông H, cô T đã trực tiếp khám và kết luận H không đủ điều kiện, mặc dù kết quả thật H hoàn toàn đủ. Phát hiện sự việc, anh P dọa sẽ tố cáo hành vi của cô T, thấy vậy cô T đã hối lộ cho anh P 10 triệu đồng và nhờ anh giữ kín chuyện này nhưng anh không đồng ý và vẫn tố cáo với cơ quan chức năng nên cô T đã bị kỷ luật.

a) Anh H chưa thực hiện tốt quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.

b) Chỉ có ông M và cô T là phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi vi phạm của mình, anh H không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

c) Anh P đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo.

d) Việc xử lý vi phạm đối với cô T là thể hiện công dân bị phân biệt, đối xử trong bình đẳng giới.

Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi

A. điều tra hiện trường gây án

B. giam giữ người tố cáo.

C. bảo mật thông tin quốc gia.

D. truy tìm đối tượng phản động.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người khác khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Giải cứu nạn nhân.

B. Điều tra tội phạm.

C. Theo dõi nghi phạm.

D. Không chế con tin.

Câu 3: Bất người trái pháp luật là xâm phạm đến quyền nào sau đây của công dân?

A. bắt người hợp pháp của công dân.

B. bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.

D. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 4: Giam giữ người quá thời hạn qui định là vi phạm quyền nào của công dân ?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể.

B. Pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.

C. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

D. Pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi

- A. đánh người gây thương tích.
- B. đã tham gia giải cứu nạn nhân.
- C. bắt người theo quyết định của Tòa án.
- D. giam giữ người trái pháp luật.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi bắt giữ người đang

- A. thực hiện hành vi phạm tội.
- B. giám hộ trẻ em khuyết tật.
- C. bảo trợ trẻ em khuyết tật.
- D. truy tìm tù nhân vượt ngục.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, công dân có hành vi nào sau đây xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác?

- A. Tung tin, bịa đặt nói xấu người khác.
- B. Đang thực hiện hành vi phạm tội.
- C. Theo dõi tội phạm nguy hiểm
- D. Lan truyền bí mật quốc gia.

Câu 8: Xúc phạm để hạ uy tín người khác là hành vi xâm phạm quyền được pháp luật bảo hộ về

- A. tính mạng và sức khỏe của công dân.
- B. tinh thần của công dân.
- C. thể chất của công dân.
- D. về nhân phẩm, danh dự của công dân.

Câu 9: Công dân vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của người khác khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

- A. Hạ nhục người khác.
- B. Đe dọa giết người.
- C. Bắt người trái phép.
- D. Tố giác tội phạm.

Câu 10: Theo quy định của pháp luật, công dân có hành vi làm chết người là hành vi xâm phạm quyền được pháp luật bảo hộ về

- A. danh dự của công dân.
- B. tính mạng và sức khỏe của công dân.
- C. nhân phẩm của công dân.
- D. tinh thần của công dân.

Câu 11: Mọi công dân có hành vi xâm phạm đến danh dự và nhân phẩm của người khác đều bị

- A. xét xử lưu động.
- B. bắt giữ khẩn cấp.
- C. tước bỏ nhân quyền.
- D. xử lý theo pháp luật.

Câu 35: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm khi

- A. chuyển nhượng bí quyết gia truyền.
- B. tự công khai đời sống của bản thân.
- C. chủ động chia sẻ kinh nghiệm cá nhân.
- D. xúc phạm nhằm hạ uy tín người khác.

Câu 44: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Do mẫu thuẫn trong buôn bán nên chị Q đã nhiều lần tung tin bịa đặt nói xấu anh K trên mạng xã hội khiến thu nhập của nhà anh K giảm sút nghiêm trọng. Bức xúc nên anh K cùng vợ là chị T đã nói chuyện với chị Q nhưng không thành và bị anh M chồng chị Q đánh anh K trọng thương. Thấy vậy chị T liền thuê anh G và anh H bắt con chị Q về nhà mình và giữ trong nhiều giờ với mục đích khủng bố tinh thần gia đình Q.

- a) Anh K vừa bị xâm phạm quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm vừa bị xâm phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng và sức khỏe của công dân.
- b) Chị Q không phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi của mình, anh M phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi vi phạm của mình.

- c) Chị T không vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- d) Anh G và anh H vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

Câu 46: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Do mâu thuẫn với chị H, D đã viết bài đăng lên mạng xã hội bịa đặt, vu khống chị H có quan hệ không lành mạnh với anh S nhằm xúc phạm nhân phẩm, danh dự của chị H. Sau đó, bài viết đã được nhiều người bình luận, chia sẻ, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của chị H. Hành vi của D đã bị Toà án tuyên phạt 40 triệu đồng và buộc phải xin lỗi, công khai cải chính thông tin trên mạng xã hội.

- a) Anh D vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm của công dân.
- b) Chị H là người bị vi phạm còn anh S không bị vi phạm vì bài viết của anh D chỉ hướng tới chị H.
- c) Những người bình luận, chia sẻ bài viết của anh D cũng vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm của công dân.
- d) Việc D đã bị Toà án tuyên phạt 40 triệu đồng và buộc phải xin lỗi, công khai cải chính thông tin trên mạng xã hội là trách nhiệm pháp lý do hành vi vi phạm của anh D.

Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được khám xét chỗ ở của công dân khi có căn cứ khẳng định chỗ ở của người đó có

- A. hồ sơ đề nghị vay vốn ưu đãi.
- B. công cụ để thực hiện tội phạm.
- C. quyết định điều động nhân sự.
- D. đối tượng tố cáo nặc danh.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được khám xét chỗ ở của công dân khi có căn cứ khẳng định chỗ ở của người đó có

- A. bảo trợ người già neo đơn.
- B. đối tượng bị truy nã.
- C. quản lý hoạt động truyền thông.
- D. giám hộ trẻ em khuyết tật.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được khám xét chỗ ở của công dân khi có căn cứ khẳng định chỗ ở của người đó có

- A. đối tượng đang bị truy nã.
- B. kiểm tra hóa đơn dịch vụ.
- C. thực hiện giãn cách xã hội.
- D. hồ sơ thế chấp tài sản riêng.

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của người khác khi tự ý vào nhà người khác để

- A. cấp cứu người bị nạn.
- B. kiểm tra căn cước công dân.
- C. tuyên truyền bán hàng đa cấp.
- D. giới thiệu dịch vụ bảo hiểm.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của người khác khi tự ý vào nhà người khác để

- A. xác định thông tin dịch tễ.
- B. dập tắt vụ hỏa hoạn.
- C. tìm hiểu bí quyết gia truyền.
- D. giới thiệu sản phẩm.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật, cơ quan chức năng có thẩm quyền được phép khám chỗ ở của công dân khi có căn cứ cho rằng ở đó có

A. người phạm tội đang lẩn trốn.

B. tài sản quý hiếm.

C. tình báo viên đang cư trú.

D. nhiều người tụ tập.

Câu 7: Đối với học sinh, để thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, việc làm nào dưới đây chúng ta **không** nên khuyến khích?

A. Tích cực tìm hiểu pháp luật.

B. Tôn trọng chỗ ở người khác.

C. Xâm nhập chỗ ở người khác.

D. Tố cáo hành vi vi phạm.

Câu 8: Đối với học sinh, để thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, việc làm nào dưới đây chúng ta **không** nên khuyến khích?

A. Từ chối vào chỗ ở khi không cho phép.

B. Tố cáo hành vi xâm nhập chỗ ở trái phép.

C. Bí mật vào nhà người khác để trộm cắp.

D. Lợi dụng vào nhà người khác để trộm cắp.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, hành vi tự ý khám xét chỗ ở của người khác là vi phạm quyền bất khả xâm phạm về

A. chỗ ở.

B. danh tính.

C. bí mật đời tư.

D. thân thể.

Câu 10: Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý trừ trường hợp

A. công an cho phép.

B. có người làm chứng.

C. pháp luật cho phép.

D. trưởng ấp cho phép.

Câu 11: Khám chỗ ở đúng pháp luật là thực hiện khám trong trường hợp nào sau đây?

A. Do pháp luật quy định.

B. Có nghi ngờ tội phạm.

C. Cần tìm đồ vật quý.

D. Do một người chỉ dẫn.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 12, 13, 14

Các anh S, H, N và chị M cùng là công nhân một công ty, trong đó chị M và anh N là vợ chồng. Do có việc bận, anh S nhờ anh H mang quà công ty đến nhà chị M. Vì chị M đi vắng và không khóa cửa. Anh H đã mở cửa vào nhà và để quà trên bàn ăn. Khi quay ra, thấy nhân viên bưu chính để thư của chị M ở cửa nhà chị, tò mò anh H đã bóc thư ra đọc rồi chụp lại đăng lên mạng xã hội với lời lẽ vu khống chị M có quan hệ tình cảm với một nhân viên khác trong công ty. Sau khi bị chị M phát hiện và kể chuyện này với chồng, anh N đã yêu cầu anh H gỡ bài và công khai xin lỗi nhưng bị anh H từ chối. Cho là anh H cố ý phá hoại hạnh phúc gia đình mình, nhân lúc anh H đi vắng, anh N đã lẻn vào nhà anh H và để máy tính mà anh S nhờ sửa hộ trong nhà anh H. Sau đó, anh N tung tin anh H lấy trộm máy tính của anh S.

Câu 12: Chị M và anh N có thể sử dụng quyền dân chủ nào dưới đây của công dân để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong trường hợp trên?

A. Quyền khiếu nại.

B. Quyền tố cáo.

C. Quyền bầu cử.

D. Quyền ứng cử.

Câu 13: Những ai dưới đây bị vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

A. Chị M và anh H.

B. Anh H và chị N.

C. Anh S và chị M.

D. Anh S và anh N.

Câu 14: Những ai sau đây cùng vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm và bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân?

Câu 15: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Địa bàn X có ông Q là trưởng công an xã; anh K là công an xã; anh T, vợ chồng anh N và chị S là người dân. Nghi ngờ chị S tổ chức đánh bạc tại nhà, anh K bí mật xông vào nhà chị S để kiểm tra. Vì chị S kiên quyết không thừa nhận lại lớn tiếng xúc phạm mình, nên anh K đã tát chị S đồng thời báo cáo tình hình với ông Q. Ngay sau đó, ông Q trực tiếp đến nhà chị S yêu cầu chị về trụ sở để lấy lời khai. Vào thời điểm đó, anh T đã chứng kiến và quay video toàn bộ sự việc, rồi nhắn tin đe dọa chị S. Yêu cầu anh T xóa video không được, chị S cùng anh N tới nhà anh T nói chuyện, do cửa không khóa, anh N và chị S mở cửa xông vào nhà. Đúng lúc đó anh T đi làm về, thấy anh N và chị S ở trong nhà mình, anh T vu khống hai người vào lấy trộm tài sản nên hai bên xảy ra xô xát, anh N vô ý làm anh T bị ngã tay, nên bị vợ anh N gọi điện báo anh K. Sau khi được anh K phân tích, anh N đã xin lỗi và đồng ý bồi thường cho anh T.

- a) Anh K không vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở vì anh là công an xã có quyền bí mật vào chỗ ở của người khác để bắt quả tang hành vi vi phạm.
- b) Hành vi quay vi deo rồi nhắn tin đe dọa chị S của anh T là xâm phạm tới quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm của công dân.
- c) Anh K và anh N đều vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng và sức khỏe của công dân.
- d) Vì cửa không khóa nên anh N và chị S vào nhà anh T là không vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, người làm nhiệm vụ chuyển phát vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín của khách hàng khi

- A. chủ động định vị khi giao nhận.
- B. thay đổi phương tiện vận chuyển.
- C. bảo quản bưu phẩm đường dài.
- D. tự tiêu hủy thư gửi nhầm địa chỉ.

Câu 2: Việc nhân viên bưu điện làm thất lạc thư của công dân là vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và

- A. bí mật thư tín, điện tín.
- B. bảo mật thông tin quốc gia.
- C. quản lý hoạt động truyền thông.
- D. chủ động đối thoại trực tuyến.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, công dân tự tiện mở thư của người khác là vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật

- A. an sinh xã hội.
- B. thông tư liên ngành.
- C. thư tín, điện tín.
- D. di sản quốc gia.

Câu 4: Công dân vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Đảo mật thông tin nội bộ.
- B. Niêm yết thông tin quảng cáo.
- C. Tự ý phát tán thư tín của người khác.
- D. Sử dụng dịch vụ chuyển phát nhanh.

Câu 5: Công dân vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Đề xuất ứng dụng dịch vụ truyền thông. B. Tự ý tiêu hủy thư tín của người khác.

C. Công khai hộp thư điện tử của bản thân. D. Chia sẻ thông tin kinh tế toàn cầu.

Câu 6: Người làm nhiệm vụ chuyển phát thư tín, điện tín vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín khi

A. thay đổi phương tiện vận chuyển.

B. tự ý thay đổi nội dung điện tín của khách hàng.

C. kiểm tra chất lượng đường truyền.

D. niêm yết công khai giá cước viễn thông.

Câu 7: Quyền bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là quyền

A. tự do cơ bản.

B. tự do dân chủ.

C. tự do kinh tế.

D. tự do chính trị.

Câu 8: Quyền bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín thuộc loại quyền

A. bí mật đời tư cá nhân.

B. bí mật tự do xã hội.

C. bí mật tự do nhà nước.

D. bí mật đời tư tập thể.

Câu 9: Người nào tự tiện bóc, mở thư, tiêu hủy thư tín, điện thoại, điện tín của người khác, tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử phạt

A. hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

B. dân sự hoặc truy cứu trách nhiệm hành chính.

C. hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm kỷ luật.

D. hình sự hoặc truy cứu trách nhiệm kỷ luật.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 10, 11, 12

Các anh S, H, N và chị M cùng là công nhân một công ty. Do có việc bận, anh S nhờ anh H mang quà công ty đến nhà chị M. Vì chị M đi vắng và không khóa cửa. Anh H đã mở cửa vào nhà và để quà trên bàn ăn. Khi quay ra, thấy nhân viên bưu chính để thư của chị M ở cửa nhà chị, tò mò anh H đã bóc thư ra đọc và mang về công ty. Nhìn thấy lá thư của chị M, anh N đã chụp lại nội dung lá thư đó và đăng lên mạng xã hội. Sau khi bị chị M phát hiện, anh H yêu cầu anh N cùng mình công khai xin lỗi chị, nhưng bị anh N từ chối. Nhân một lần đang làm trong công ty, do điện thoại hết pin, anh H hỏi mượn điện thoại của anh N để liên lạc gấp, nhân cơ hội này anh H đã đăng nhập vào tài khoản của anh N và gỡ bài viết có bức thư mà anh N đã đăng. Phát hiện sự việc, cho là anh H gây khó dễ với mình, nhân lúc anh H đi vắng, anh N đã lẻn vào nhà anh H và để máy tính mà anh S nhờ sửa hộ trong nhà anh H. Sau đó, anh N tung tin anh H ăn trộm máy tính của anh S.

Câu 10: Những ai sau đây vi phạm quyền được pháp luật bảo đảm an toàn về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

A. Anh N và anh S.

B. Anh Q và anh S.

C. Anh H và anh Q.

D. Anh H và anh N.

Câu 11: Những ai dưới đây là người bị vi phạm quyền được pháp luật bảo đảm an toàn về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

A. Anh N và anh S.

B. Anh Q và anh S.

C. Chị M và anh H.

D. Chị M và anh N.

Câu 12: Những ai sau đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân?

A. Anh N và anh S.

B. Anh Q và anh S.

C. Anh H và anh Q.

D. Anh H và anh N.

Câu 13: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Biết người yêu mình là anh A nghiện ma túy, chị B cùng gia đình đã chủ động cự tuyệt và kiên quyết ngăn cản không cho anh A đến nhà. Nhiều lần tìm gặp đều bị người yêu từ chối, muốn níu kéo tình cảm, anh A đột nhập vào phòng riêng của chị B, nhưng không gặp được chị. Thấy điện thoại chị B để trên giường, khi anh A mở ra xem và phát hiện có một số hình ảnh thân mật giữa chị và anh L đồng nghiệp khiến anh rất bức xúc nên đã cầm điện thoại của chị B ra về. Vài ngày sau, do cần tiền, anh A đã mang điện thoại này ra hiệu cầm đồ do anh K làm chủ. Khi kiểm tra điện thoại thấy có một số hình ảnh về anh L một đối thủ cũng đang kinh doanh mặt hàng giống mình nên anh K đã đồng ý. Sau đó anh K đã mang điện thoại về nhà sao chép các hình ảnh của anh L và chị B có trong điện thoại rồi gửi cho chị N người yêu anh L, khiến chị đòi chia tay.

- a) Vì anh A là người yêu của chị B nên anh A có quyền đột nhập vào phòng chị B mà không vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.
- b) Việc anh A lấy điện thoại của chị B là xâm phạm về tài sản của công dân không vi phạm quyền được bảo đảm an toàn bí mật thư tín.
- c) Anh K là chủ cầm đồ nên có quyền kiểm tra điện thoại khi nhận cầm đồ nên việc làm của anh K là không vi phạm quyền được bảo đảm an toàn bí mật thư tín.
- d) Hậu quả của hành vi vi phạm của anh K có thể dẫn đến gia đình anh L và chị N đứng trước nguy cơ ly hôn.

Bài 20: Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tự do ngôn luận công dân có nghĩa vụ

- A. trình bày mọi quan điểm.
- B. xuyên tạc về mặt nội dung.
- C. tuân thủ quy định pháp luật.
- D. ủng hộ mọi quan điểm đưa ra.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tự do ngôn luận công dân **không** được

- A. tự do phát biểu ý kiến.
- B. tự mình trình bày quan điểm.
- C. xâm phạm lợi ích nhà nước.
- D. ủy quyền người khác trình bày.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tự do ngôn luận công dân **không** được

- A. xâm phạm lợi ích hợp pháp công dân.
- B. chủ động bảo lưu quan điểm cá nhân.
- C. ủng hộ những quan điểm tương đồng.
- D. công khai những nội dung đã góp ý.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh nghĩa vụ của công dân khi thực hiện quyền tự do ngôn luận?

- A. Tuân thủ quy định của pháp luật.
- B. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của công dân.
- C. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của tổ chức.
- D. Chủ động bày tỏ quan điểm cá nhân.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, một trong những nghĩa vụ của công dân khi thực hiện quyền tự do ngôn luận là công dân **không** được

- A. xâm phạm thân thể người khác.
- B. tự mình bày tỏ quan điểm cá nhân.
- C. ủng hộ các ý kiến trái chiều.
- D. trình bày ý kiến bằng văn bản.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật, một trong những nghĩa vụ của công dân khi thực hiện quyền tự do ngôn luận là công dân **không** được

- A. ủy quyền người khác ý kiến.
- B. cung cấp bằng chứng đưa ra.

C. xuyên tạc chính sách của Đảng.

D. chia sẻ ý kiến đã trình bày.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Tham gia phát biểu ý kiến.

B. Truy tìm đối tượng phản động.

C. Bảo quản bưu phẩm đường dài.

D. Xúc phạm nhằm hạ uy tín người khác.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện hành vi nào sau đây là vi phạm quyền tự do ngôn luận của công dân?

A. Ngăn chặn người khác góp ý, phê bình.

B. Quản lý hoạt động truyền thông.

C. Giám hộ trẻ vị thành niên

D. Công khai hộp thư điện tử của bản thân.

Câu 9: Công dân có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận bằng cách phát biểu ý kiến nhằm xây dựng cơ quan, trường học, địa phương mình

A. ở những nơi có người tụ tập.

B. trong các cuộc họp của cơ quan.

C. ở những nơi công cộng.

D. ở bất cứ nơi nào.

Câu 10: Ngăn cản đại biểu trình bày ý kiến của mình trong hội nghị là công dân vi phạm quyền

A. quản lý cộng đồng.

B. tự do ngôn luận.

C. quản lý truyền thông.

D. tự do thông tin.

Câu 11: Công dân có thể viết bài gửi đăng báo, bày tỏ ý kiến của mình về chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước thông qua quyền nào dưới đây?

A. Quyền ứng cử, bầu cử.

B. Tự do báo chí.

C. Quyền khiếu nại.

D. Quyền tố cáo.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 12, 13, 14

Trong một cuộc họp, ông B là Chủ tịch phường đã ngắt lời không cho anh H tiếp tục phát biểu khi anh lên tiếng phê bình chị C. Do anh H phản đối nên ông B đã lệnh cho anh K là nhân viên bảo vệ ngoài hội trường buộc anh H phải rời cuộc họp. Anh G là nhân viên dưới quyền ông B nhân chuyện này đã viết bài bịa đặt ông bạo hành nhân viên đăng lên mạng xã hội làm cho uy tín của ông B bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Câu 12: Những ai dưới đây đã vi phạm quyền tự do ngôn luận của công dân ?

A. Ông B và anh K.

B. Ông B và anh G.

C. Ông B, anh K và anh G.

D. Anh H

Câu 13: Những ai dưới đây đã thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ về quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của công dân?

A. Anh H.

B. Chị C.

C. Anh G.

D. Ông B.

Câu 14: Trong trường hợp trên, hành vi vi phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí đã dẫn đến hậu quả nào dưới đây?

A. Cá nhân không được tham dự cuộc họp.

B. Người có thẩm quyền bị đình chỉ.

C. Gây mất an ninh trật tự xã hội.

D. Uy tín, danh dự cá nhân bị ảnh hưởng.

Câu 15: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Cơ quan X có ông T là giám đốc, bà P là phó giám đốc, chị N là trưởng phòng tổ chức cán bộ, ông K là chủ tịch công đoàn, anh H là nhân viên. Trong cuộc họp tổng kết cuối năm, vì bị chị N lên

tiếng phản đối quan điểm của mình về việc điều chuyển nhân sự nên ông T đã ngăn cản không cho chị phát biểu đồng thời xúc phạm và buộc chị N phải rời khỏi cuộc họp. Ngồi bên cạnh, thấy anh H định lên tiếng bày tỏ sự đồng tình với ý kiến của chị N, bà P dọa đưa anh vào danh sách tinh giảm biên chế để buộc anh H phải dừng lời. Biết chuyện, chị U vợ anh H đã viết bài xuyên tạc chủ trương quy hoạch cán bộ nguồn của cơ quan X đồng thời bịa đặt về đời tư của ông K rồi đăng công khai trên mạng xã hội khiến uy tín của ông K bị ảnh hưởng.

- a) Chị N và anh H đều bị vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận.
- b) Chị U viết bài xuyên tạc chủ trương quy hoạch cán bộ và bịa đặt đời tư của ông K là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ công dân về tự do báo chí.
- c) Chỉ có ông T vi phạm quyền tự do ngôn luận của công dân còn bà P không vi phạm.
- d) Ông K có quyền làm đơn khiếu nại tới cơ quan chức năng để xem xét lại bài viết của chị U.

Bài 21: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Câu 1: Hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm khi tham gia các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo?

- A. Ủng hộ các hoạt động tôn giáo.
- B. Kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.
- C. Tuyên truyền văn hóa đạo Phật.
- D. Cải tạo công trình tôn giáo hợp pháp.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, mọi công dân đều có quyền theo hoặc không theo

- A. Hiến pháp.
- B. pháp luật.
- C. một tôn giáo nào đó.
- D. quy định phòng cháy.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, mọi công dân đều có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào đó là biểu hiện của quyền tự do

- A. tín ngưỡng, tôn giáo.
- B. bầu cử, ứng cử.
- C. tự do ngôn luận.
- D. tiếp cận thông tin.

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, đối với những tôn giáo được pháp luật công nhận, mọi công dân đều có quyền

- A. xúc phạm hạ uy tín.
- B. theo hoặc không theo.
- C. xuyên tạc giáo lý.
- D. xâm phạm đất đai.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, đối với những tôn giáo được pháp luật công nhận, mọi công dân đều có quyền theo và

- A. thực hành tín ngưỡng.
- B. lợi dụng để phá hoại.
- C. thay đổi lý lịch cá nhân.
- D. từ bỏ quan hệ gia đình.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật, đối với những tôn giáo được pháp luật công nhận, mọi công dân đều có quyền theo và

- A. vi phạm pháp luật.
- B. phản đối Hiến pháp.
- C. thực hành giáo lý.
- D. miễn các loại thuế.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, đối với những tôn giáo được pháp luật công nhận, mọi công dân đều có quyền vào

- A. tu tại cơ sở tôn giáo.
- B. phá hoại cơ sở vật chất.
- C. trộm cắp tài sản cá nhân.
- D. lẩn trốn khi bị truy nã.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, đối với những tôn giáo được pháp luật công nhận, mọi công dân đều có quyền

A. miễn toàn bộ mọi loại thuế.

B. học tập tại cơ sở đào tạo tôn giáo.

C. tổ chức vượt biên trái pháp luật.

D. từ chối tuân theo pháp luật.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, người tham gia các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo hợp pháp, **không** được thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Xúc phạm tín ngưỡng.

B. Thực hành tín ngưỡng.

C. Tuyên truyền tín ngưỡng.

D. Sử dụng sách kinh thánh.

Câu 10: Theo quy định của pháp luật, khi tham gia các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo công dân có nghĩa vụ

A. bày tỏ niềm tin tôn giáo.

B. tìm hiểu giáo lý, giáo luật.

C. tuân thủ Hiến pháp, pháp luật.

D. ép buộc người khác theo mình.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, khi tham gia các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo công dân có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng

A. của bản thân mình.

B. của người khác.

C. phản khoa học.

D. trái pháp luật.

Câu 12: Theo quy định của pháp luật, nếu phát hiện các hành vi vi phạm về tự do tín ngưỡng, tôn giáo, công dân có nghĩa vụ

A. bao che để họ tiếp tục thực hiện.

B. tố cáo với cơ quan chức năng.

C. chủ động tham gia cùng.

D. bày tỏ thái độ đồng tình.

Câu 13: Theo quy định của pháp luật, khi công dân thực hiện các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo phải có trách nhiệm

A. đóng phí đầy đủ.

B. từ bỏ nhân thân.

C. tôn trọng lợi ích người khác.

D. xuyên tạc các tôn giáo khác.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 14, 15

Hằng năm, vào tháng Giêng âm lịch, người dân làng Y lại tất bật chuẩn bị để tổ chức lễ hội truyền thống của làng. Lãnh đạo địa phương và người dân đã tổ chức nhiều cuộc họp để trao đổi, xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội theo đúng quy định của pháp luật, gìn giữ nét đẹp của quê hương, phòng ngừa các hành vi tiêu cực gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự và đảm bảo an toàn cho người dân đến tham dự.

Câu 14: Việc người dân giữ gìn và tổ chức tốt lễ hội truyền thống chính là thực hiện quyền nào dưới đây của công dân?

A. Quyền tự do tôn giáo.

B. Quyền tự do tín ngưỡng.

C. Quyền tự do lập hội.

D. Quyền bảo vệ Tổ quốc.

Câu 15: Người dân cùng chính quyền tổ chức cuộc họp để thống nhất các nội dung trước khi triển khai là thể hiện công dân được thực hiện quyền dân chủ nào dưới đây?

A. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

B. Quyền bầu cử, ứng cử.

C. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

D. Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

Câu 16: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

X bắt gặp bà M đang dùng những lời lẽ mê tín dị đoan để tuyên truyền, đe dọa, lôi kéo mẹ mình cùng một số người dân trong thôn tham gia tôn giáo lạ nên rất bức xúc. X vận dụng những

kiến thức đã được học để phản bác lại lí lẽ sai lệch của bà M, giải thích cho mọi người hiểu một số nội dung quy định của pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân và khuyên mọi người không nên tùy tiện gia nhập các hội, nhằm tôn giáo là để bảo vệ bản thân. X cũng chủ động trình báo lại sự việc cho chính quyền xã và bày tỏ mong muốn chính quyền sẽ can thiệp để ngăn chặn những sự việc xấu phát sinh.

- a) Hành vi dùng những lời lẽ mê tín dị đoan để lôi kéo người khác tham gia tôn giáo là biểu hiện của việc thực hiện sinh hoạt tôn giáo.
- b) Việc X phản bác lại những lý lẽ sai lệch của bà M là hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.
- c) Bà M đã vận dụng sai các quy định của pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân.
- d) Chính quyền địa phương không được phép can thiệp đến hoạt động tôn giáo bình thường của người dân là phù hợp với quy định của pháp luật.

Phần II - TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày nội dung quyền bình đẳng của công dân về quyền và nghĩa vụ.

Câu 2: Nêu các quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, gia đình.

Câu 3: Các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

Câu 4: Hậu quả của hành vi vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

Câu 5: Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử. Nguyên tắc bầu cử.

Câu 6: Quyền và nghĩa vụ công dân về ứng cử. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bầu cử, ứng cử của công dân.

Câu 7: Nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.

Câu 8: Nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc.

Câu 9: Cho ví dụ, từ đó phân tích làm rõ quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm.

Câu 10: Quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Hậu quả của hành vi xâm phạm chỗ ở của công dân.

Câu 11: Quy định của pháp luật về quyền được đảm bảo an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

Câu 12: Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.

---HẾT---